

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 12C2

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 12C2 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Hoàng Ân	27/04/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Láng, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
2	Trần Phúc Duy	23/06/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 1B thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
3	Cao Văn Đức	14/06/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Xóm Chùa, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
4	Trần Cẩm Giang	27/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
5	Trương Thị Quỳnh Giang	24/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Rạch Bòng, xã Tân lân - Cần Đước - Long An
6	Phan Thị Hồng Hạnh	22/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
7	Bùi Võ Minh Hiếu	27/07/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Nhà Dải, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
8	Trương Thị Tuyết Hương	20/09/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2B xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	17/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 1, xã Long An - Cần Giuộc - Long An
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	22/11/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
11	Trần Tuấn Khôi	31/01/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Lệ - Cần Đước - Long An
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	09/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Xóm Mới, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
13	Ngô Sơn Lộc	22/02/2007	Long An	Kinh	Nam		Khu 1 C thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
14	Nguyễn Trúc Ly	14/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2B, xã Tân Ân - Cần Đước - Long An
15	Huỳnh Thanh My	03/01/2007	Tp.HCM	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	14/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ	Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	Ấp Bà Chu, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
17	Lê Thị Kiều Ngân	08/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
18	Mai Thị Kim Ngân	09/07/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	04/04/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
20	Nguyễn Tuyết Ngân	19/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2 xã Phước Đông- Cần Đước - Long An
21	Huỳnh Bảo Ngọc	30/11/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Bà Chu, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	05/01/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	20/02/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	05/10/2007	Long An	Kinh	Nữ		Thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	18/12/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 5 Thị trấn cần Đước - Cần Đước - Long An
26	Phạm Thị Yến Nhi	20/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Tuy - Cần Đước - Long An
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	27/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Nhà Thờ, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
28	Nguyễn Minh Nhựt	29/12/2007	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	14/03/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Nhà Thờ, xã Tân Lân - Cần Đước - Long An
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	08/09/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
31	Vô Thanh Sang	09/10/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 1C thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
32	Nguyễn Thanh Thảo	28/04/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 2 thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
33	Nguyễn Trang Thảo	24/03/2007	Long An	Kinh	Nữ	Có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định	Khu 8 Thị trấn cần Đước - Cần Đước - Long An
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	08/12/2007	Long An	Kinh	Nữ		Khu 1B thị trấn Cần Đước - Cần Đước - Long An
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	13/05/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhứt, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
36	Dương Thị Diễm Trang	16/02/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Đông Nhi, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	08/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh - Cần Đước - Long An
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	28/02/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 4, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	22/08/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Long Mỹ, xã Mỹ Lệ - Cần Đước - Long An
40	Bùi Thế Vinh	20/06/2007	Sóc Trăng	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
41	Vô Minh Vương	02/04/2007	Long An	Kinh	Nam		Ấp 6, xã Phước Tuy - Cần Đước - Long An
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	14/03/2007	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5, xã Phước Tuy - Cần Đước - Long An
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	04/04/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1, xã Phước Đông - Cần Đước - Long An
44	Vô Thị Thanh Xuân	04/01/2007	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Chợ Trạm, xã Mỹ Lệ - Cần Đước - Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Nguyễn Thành Sơn - Trại ghe	Nguyễn Thị Bé Ngọc - Trại ghe	
2	Trần Đức Linh - Thợ hồ	Phan Thị Trúc Lan Thanh - Thợ may	
3	Cao Văn Út - Làm ruộng	Nguyễn Thị Ngát - Làm ruộng	
4	Trần Văn Phương - Làm ruộng	Đào Thị Ánh Hoa - Làm ruộng	
5	Trương Văn Viễn - Thợ hồ	Nguyễn Thị Hạnh - Nội trợ	
6	Phan Quốc Hiền - Thợ hồ	Đinh Thị Hoán - Tạp vụ	
7		Bùi Thị Bé Bảy - Làm ruộng	
8	Trương Tấn Lập - Bảo vệ	Nguyễn Thị Thu Thúy - Nội trợ	
9	Nguyễn Văn Tuấn - Lái xe	Huỳnh Thị Xuân Ánh - Cấp dưỡng	
10	Nguyễn Văn Bình - Thợ hồ	Đỗ Thị Ngọc Quyên - Nội trợ	
11	Trần Hồng Sang - Công nhân	Nguyễn Thị Tuyết Hoa - Nội trợ	
12	Nguyễn Phước Hậu - Buôn bán	Bùi Thị Bích Dung - Buôn bán	
13	Ngô Sơn Vũ - Công nhân	Nguyễn Thị Mộng Thu - Công nhân	
14	Nguyễn Tấn Khang - Làm sắt	Võ Thị Tuyền - Nội trợ	
15	Huỳnh Thanh Quốc - Công nhân	Trần Thị Cẩm Hương - Nội trợ	
16	Nguyễn Lý Ngọc - Buôn bán	Phạm Thụy Bạch Ngọc - buôn bán	
17	Lê Thành Tín - Nội trợ	Trương Thị Thúy Diễm - Công nhân	
18	Mai Văn Phu - Nội trợ	Nguyễn Thị Ka - Buôn bán	
19	Nguyễn Thanh Lâm - Làm ruộng	Nguyễn Thị Xê - Làm ruộng	
20	Nguyễn Văn Đô - Làm ruộng	Phan Thị Kim Liên - Làm ruộng	
21	Huỳnh Ngọc Thi - Tài xế	Phan Thị Mộng Trinh - Nội trợ	
22	Trần Công Đa - Đi biển	Nguyễn Thị Thanh Tuyền - Nấu ăn	
23	Nguyễn Tấn Tài - Buôn bán	Phạm Thị Thu Nguyệt - Công nhân	
24	Nguyễn Thanh Tùng - Công nhân	Huỳnh Thị Kiều Thu - Công nhân	
25	Văn Công Tuấn - Công nhân	Nguyễn Phương Lan - Công nhân	
26	Phạm Hoàng Hải - Cho thuê rạp	Võ Thị Ngọc Hiền - Công nhân	
27	Nguyễn Thanh Việt - Công nhân	Nguyễn Thị Ngọc Thi - Công nhân	
28	Nguyễn Văn Thơm - Buôn bán	Phạm Thị Phương - Nội trợ	
29	Nguyễn Ngọc Điệp - Chăn nuôi	Lê Thị Ngọc Dung - Chăn nuôi	
30	Trần Anh Tuấn - Buôn bán	Nguyễn Thị Út - Dược sĩ	
31	Võ Thanh Phong - Chăn nuôi	Nguyễn Thị Kim Thoa - Buôn bán	
32	Nguyễn Thành Tâm - Đã mất	Trần Thị Dung - Công nhân	
33	Nguyễn Hòa Đăng - Thợ hồ	Nguyễn Thị Thùy Trang - Công nhân	
34	Trần Duy Tín - Nấu ăn	Nguyễn Thu Phương - Làm ruộng	
35	Nguyễn Sơn Ca - Làm ruộng	Trương Thúy Linh - Nội trợ	
36	Dương Văn Tuyền - Đi ghe	Võ Thị Trường Mới - Đi ghe	
37	Lê Văn Sơn - Công nhân	Nguyễn Thị Lanh - Công nhân	
38	Nguyễn Hoàng Sơn - Đã mất	Lê Thị Trà - Tự do	
39	Hồ Văn Hiệp - Thợ sắt	Trương Thị Lành - Nội trợ	
40	Bùi Thế Sung - Thợ càn	Cao Thị Mỹ Phương - Nội trợ	
41	Võ Minh Tí - Tự do	Trần Huệ Phương - Công nhân	
42	Phạm Ngọc Văn - Tài xế	Đinh Phạm Ngọc Dung - Nội trợ	
43	Nguyễn Văn Phước - Thợ sắt	Võ Thị Minh Kim - Công Nhân	
44	Võ Công Thanh - Thợ hồ	Bùi Thị Trúc Mai - Công nhân	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0
3	Cao Văn Đức																																	0	0	0
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0
8	Trương Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																	0	0	0
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0
11	Trần Tuấn Khởi																																	0	0	0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0
15	Huỳnh Thanh My																																	0	0	0
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																	0	0	0
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Nguyễn Minh Nhựt																																	0	0	0
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																	0	0	0
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																	0	0	0
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%
không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																										P					P		2	2	0
2	Trần Phúc Duy										P								P														2	2	0	
3	Cao Văn Đức																																0	0	0	
4	Trần Cẩm Giang																																0	0	0	
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																0	0	0	
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																0	0	0	
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																0	0	0	
8	Trương Thị Tuyết Hương																																0	0	0	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																0	0	0	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																0	0	0	
11	Trần Tuấn Khởi																																0	0	0	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																0	0	0	
13	Ngô Sơn Lộc																																0	0	0	
14	Nguyễn Trúc Ly																																0	0	0	
15	Huỳnh Thanh My																																0	0	0	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																0	0	0	
17	Lê Thị Kiều Ngân																																0	0	0	
18	Mai Thị Kim Ngân																																0	0	0	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																0	0	0	
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																0	0	0	
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																0	0	0	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyễn																																0	0	0	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																0	0	0	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																0	0	0	
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																0	0	0	
26	Phạm Thị Yến Nhi																																0	0	0	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																0	0	0	
28	Nguyễn Minh Nhựt			P	P							P	P					P	P													6	6	0		
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																0	0	0	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																0	0	0	
31	Võ Thanh Sang																																0	0	0	
32	Nguyễn Thanh Thảo																																0	0	0	
33	Nguyễn Trang Thảo																																0	0	0	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																0	0	0	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																0	0	0	
36	Dương Thị Diễm Trang																																0	0	0	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																0	0	0	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																0	0	0	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																0	0	0	
40	Bùi Thế Vinh																																0	0	0	
41	Võ Minh Vương																																0	0	0	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																0	0	0	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																0	0	0	
44	Võ Thị Thanh Xuân																																0	0	0	
	Tổng số		0	0	1	1	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	10	10	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Trịnh Thị Ngọc Hân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7		TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0
3	Cao Văn Đức																																	0	0	0
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0
8	Trương Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải														P	P																	2	2	0	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0
11	Trần Tuấn Khôi																																	0	0	0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0
15	Huỳnh Thanh My																					P	P	P									3	3	0	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																	0	0	0
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Nguyễn Minh Nhựt						P	P	P	P																							4	4	0	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																	0	0	0
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																						P	P									2	2	0	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	1	1	1	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	1	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	11	0

Tỉ lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>	Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Trịnh Thị Ngọc Hân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0
3	Cao Văn Đức									K							K																	2	0	2
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0
8	Trương Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																	0	0	0
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0
11	Trần Tuấn Khôi																																	0	0	0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0
15	Huỳnh Thanh My																P									K							2	1	1	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																	0	0	0
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Nguyễn Minh Nhựt																														K			1	0	1
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																	0	0	0
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																	0	0	0
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	5	1	4

Tỉ lệ:

có phép: 20.00%không phép: 80.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ			
		Thứ	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5			TS	P	K	
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0	
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0	
3	Cao Văn Đức																																	0	0	0	
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0	
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0	
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0	
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0	
8	Trương Thị Tuyết Hương																																	0	0	0	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																	0	0	0	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0	
11	Trần Tuấn Khởi																																	0	0	0	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0	
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0	
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0	
15	Huỳnh Thanh My																																	0	0	0	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0	
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0	
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0	
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0	
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																	0	0	0	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0	
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0	
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0	
28	Nguyễn Minh Nhựt																																	0	0	0	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0	
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0	
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0	
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0	
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																	0	0	0	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																	0	0	0	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0	
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0	
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0	
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0	
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0
3	Cao Văn Đức														P	P					K	K											4	2	2	
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0
8	Trương Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																	0	0	0
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0
11	Trần Tuấn Khởi																																	0	0	0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0
15	Huỳnh Thanh My																																	0	0	0
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																	0	0	0
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Nguyễn Minh Nhựt							K	K	K																							3	0	3	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0
37	Lê Nguyễn Tú Trinh													K	K																		2	0	2	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																	0	0	0
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	2	1	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	2	7

Tỉ lệ:
có phép: 22.22%
không phép: 77.78%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3		TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																	0	0	0
2	Trần Phúc Duy																																	0	0	0
3	Cao Văn Đức																																	0	0	0
4	Trần Cẩm Giang																																	0	0	0
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																	0	0	0
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																	0	0	0
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																	0	0	0
8	Trương Thị Tuyết Hương											P	P																				2	2	0	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																	0	0	0
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																	0	0	0
11	Trần Tuấn Khôi																																	0	0	0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																	0	0	0
13	Ngô Sơn Lộc																																	0	0	0
14	Nguyễn Trúc Ly																																	0	0	0
15	Huỳnh Thanh My																							K									1	0	1	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																	0	0	0
17	Lê Thị Kiều Ngân																																	0	0	0
18	Mai Thị Kim Ngân																																	0	0	0
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																	0	0	0
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																	0	0	0
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																	0	0	0
22	Trần Ngọc Thảo Nguyễn																																	0	0	0
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																	0	0	0
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																	0	0	0
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																	0	0	0
26	Phạm Thị Yến Nhi																																	0	0	0
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Nguyễn Minh Nhựt										K						P								K								3	1	2	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																	0	0	0
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																	0	0	0
31	Võ Thanh Sang																																	0	0	0
32	Nguyễn Thanh Thảo																																	0	0	0
33	Nguyễn Trang Thảo																																	0	0	0
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																	0	0	0
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																	0	0	0
36	Dương Thị Diễm Trang																																	0	0	0
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																	0	0	0
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																	0	0	0
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																	0	0	0
40	Bùi Thế Vinh																																	0	0	0
41	Võ Minh Vương																																	0	0	0
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																	0	0	0
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																	0	0	0
44	Võ Thị Thanh Xuân																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	6	3	3

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 50.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 50.00%		
	Trịnh Thị Ngọc Hân	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	TS	P	K
1	Nguyễn Hoàng Ân																																0	0	0	
2	Trần Phúc Duy																																0	0	0	
3	Cao Văn Đức																																0	0	0	
4	Trần Cẩm Giang																																0	0	0	
5	Trương Thị Quỳnh Giang																																0	0	0	
6	Phan Thị Hồng Hạnh																																0	0	0	
7	Bùi Võ Minh Hiếu																																0	0	0	
8	Trương Thị Tuyết Hương																																0	0	0	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải																																0	0	0	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa																																0	0	0	
11	Trần Tuấn Khởi																																0	0	0	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh																																0	0	0	
13	Ngô Sơn Lộc																																0	0	0	
14	Nguyễn Trúc Ly																																0	0	0	
15	Huỳnh Thanh My																																0	0	0	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga																																0	0	0	
17	Lê Thị Kiều Ngân																																0	0	0	
18	Mai Thị Kim Ngân																																0	0	0	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân																																0	0	0	
20	Nguyễn Tuyết Ngân																																0	0	0	
21	Huỳnh Bảo Ngọc																																0	0	0	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên																																0	0	0	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi																																0	0	0	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi																																0	0	0	
25	Văn Nguyễn Yến Nhi																																0	0	0	
26	Phạm Thị Yến Nhi																																0	0	0	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như																																0	0	0	
28	Nguyễn Minh Nhựt																																0	0	0	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương																																0	0	0	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương																																0	0	0	
31	Võ Thanh Sang																																0	0	0	
32	Nguyễn Thanh Thảo																																0	0	0	
33	Nguyễn Trang Thảo																																0	0	0	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ																																0	0	0	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên																																0	0	0	
36	Dương Thị Diễm Trang																																0	0	0	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh																																0	0	0	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú																																0	0	0	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên																																0	0	0	
40	Bùi Thế Vinh																																0	0	0	
41	Võ Minh Vương																																0	0	0	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy																																0	0	0	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy																																0	0	0	
44	Võ Thị Thanh Xuân																																0	0	0	
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Tỉ lệ:

có phép: 0%không phép: 0%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Ân	9,0	8,0	9,0	8,0		6,5	7,5	7,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
2	Trần Phúc Duy	7,0	8,0	7,0	8,0		7,0	9,0	7,9	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
3	Cao Văn Đức	8,0	7,0	7,0	8,0		7,0	9,5	8,1	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
4	Trần Cẩm Giang	10,0	7,0	9,0	9,0		8,0	6,5	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	10,0	7,0	9,0	8,0		8,0	8,5	8,4	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	9,0	8,0	10,0		9,0	9,0	9,1	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	9,0	7,0	7,0	8,0		8,0	9,0	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
8	Trương Thị Tuyết Hương	8,0	8,0	8,0	9,0		9,0	9,5	8,8	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	9,0	8,0	7,0	9,0		6,5	8,0	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	10,0	9,0	8,0	8,0		8,5	9,8	9,0	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
11	Trần Tuấn Khôi	7,0	8,0	8,0	9,0		6,5	9,5	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	10,0	9,0	9,0	9,0		8,5	8,5	8,8	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	7,0	8,0	8,0		8,0	9,0	8,3	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	7,0	9,0	8,0		8,5	9,0	8,6	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
15	Huỳnh Thanh My	9,0	9,0	9,0	8,0		6,5	6,5	7,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	7,0	9,0	8,0		9,0	8,5	8,5	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	8,0	9,0	9,0		9,0	9,0	8,9	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
18	Mai Thị Kim Ngân	9,0	7,0	8,0	10,0		7,0	6,5	7,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,4	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,0	8,0	9,0	9,0		9,5	9,5	9,2	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	8,0	9,0	8,0		8,8	8,8	8,7	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	8,0	9,0	8,0		7,5	8,8	8,5	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	8,0	9,0	8,0		9,5	9,0	8,9	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	9,0	8,0	9,0	9,0		7,5	8,0	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	9,0	9,0	9,0	8,0		8,5	7,0	8,1	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	8,0	7,0	9,0		8,0	9,5	8,6	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10,0	9,0	8,0	8,0		8,0	9,5	8,8	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	6,0	7,3	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	8,0	9,0	9,0		6,5	8,5	8,1	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	8,0	9,0	8,0		8,5	8,0	8,3	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
31	Võ Thanh Sang	10,0	8,0	8,0	8,0		7,5	8,5	8,3	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
32	Nguyễn Thanh Thảo									
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	8,0	8,0	9,0		7,5	8,5	8,3	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	10,0	9,0	8,0	9,0		9,0	9,5	9,2	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10,0	8,0	9,0	10,0		9,0	8,5	8,9	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
36	Dương Thị Diễm Trang	10,0	9,0	9,0	9,0		9,5	9,5	9,4	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	10,0	10,0	9,0	9,0		9,5	8,5	9,2	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	8,0	8,0	9,0	7,0		7,5	6,8	7,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	9,0	8,0	9,0	9,0		8,0	7,5	8,2	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
40	Bùi Thế Vinh	10,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,0	9,3	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
41	Võ Minh Vương	9,0	8,0	9,0	8,0		9,5	9,5	9,1	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,0	9,0	8,0		8,0	7,5	8,1	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	9,0	8,0		9,0	9,0	8,8	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,0	9,2	Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

HÓA HỌC HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoàng Ân	8,0	8,0	9,0			7,8	4,8	6,9	học khá, cố gắng thêm		
2	Trần Phúc Duy	7,0	7,5	7,5			7,5	6,8	7,2	học khá, cố gắng thêm		
3	Cao Văn Đức	6,5	8,5	8,0			7,3	8,5	7,9	học khá, cố gắng thêm		
4	Trần Cẩm Giang	7,0	7,5	9,0			8,3	5,3	7,0	học khá, cố gắng thêm		
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,5	9,5	9,0			8,8	9,0	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
6	Phan Thị Hồng Hạnh	8,5	9,0	8,5			8,8	8,3	8,6	học tốt, cần phát huy		
7	Bùi Võ Minh Hiếu	6,5	8,5	8,0			8,8	8,0	8,1	học tốt, cần phát huy		
8	Trương Thị Tuyết Hương	10,0	9,5	9,5			9,3	10,0	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt		
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	8,5	7,0	9,0			7,3	5,0	6,8	học khá, cố gắng thêm		
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	6,0	8,5	8,0			8,3	8,3	8,0	học tốt, cần phát huy		
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	8,0	9,0			5,8	6,0	6,8	học khá, cố gắng thêm		
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	6,0	9,0	8,5			9,0	9,3	8,7	học tốt, cần phát huy		
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	9,0	8,5			8,0	8,5	8,5	học tốt, cần phát huy		
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	9,0	9,0			8,3	9,5	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
15	Huỳnh Thanh My	7,0	8,0	9,0			7,0	6,5	7,2	học khá, cố gắng thêm		
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,5	9,0	8,5			6,8	9,5	8,6	học tốt, cần phát huy		
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	8,5	8,0			7,5	7,5	7,8	học khá, cố gắng thêm		
18	Mai Thị Kim Ngân	6,5	9,0	8,5			8,5	8,8	8,4	học tốt, cần phát huy		
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,5	9,5	9,0			8,5	9,0	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,5	9,5	9,0			8,5	9,5	9,1	học giỏi, ý thức học tập tốt		
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	9,5	9,0			7,8	9,5	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	9,0	9,5	9,0			9,5	9,3	9,3	học giỏi, ý thức học tập tốt		
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	8,5	9,0	8,5			8,8	8,0	8,5	học tốt, cần phát huy		
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	9,5	9,5	9,5			9,0	10,0	9,6	học giỏi, ý thức học tập tốt		
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	9,0	9,0	8,0			8,3	7,3	8,1	học tốt, cần phát huy		
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,5	9,5	9,5			9,8	9,8	9,7	học giỏi, ý thức học tập tốt		
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	5,0	8,0	7,5			8,3	7,0	7,3	học khá, cố gắng thêm		
28	Nguyễn Minh Nhựt	7,0	8,0	8,0			8,0	4,3	6,5	học khá, cố gắng thêm		
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	8,0	9,0			7,0	5,0	6,8	học khá, cố gắng thêm		
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	7,5	8,5	8,0			8,3	7,0	7,7	học khá, cố gắng thêm		
31	Võ Thanh Sang	7,5	8,5	8,0			8,0	7,5	7,8	học khá, cố gắng thêm		
32	Nguyễn Thanh Thảo											
33	Nguyễn Trang Thảo	7,5	9,0	8,5			8,3	8,8	8,5	học tốt, cần phát huy		
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,5	9,5	9,0			7,5	9,5	8,9	học tốt, cần phát huy		
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,5	9,5	9,0			8,8	8,8	9,0	học giỏi, ý thức học tập tốt		
36	Dương Thị Diễm Trang	7,5	9,0	8,0			8,5	7,8	8,1	học tốt, cần phát huy		
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	7,5	8,5	8,0			7,5	7,8	7,8	học khá, cố gắng thêm		
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	8,5	9,0	9,0			8,3	9,3	8,9	học tốt, cần phát huy		
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	7,5	9,0	8,5			8,0	8,5	8,3	học tốt, cần phát huy		
40	Bùi Thế Vinh	9,0	9,0	8,5			7,8	8,5	8,5	học tốt, cần phát huy		
41	Võ Minh Vương	7,0	8,0	7,5			7,3	7,0	7,3	học khá, cố gắng thêm		
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,5	8,0			8,0	6,5	7,6	học khá, cố gắng thêm		
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	9,5	9,5			9,5	10,0	9,8	học giỏi, ý thức học tập tốt		
44	Võ Thị Thanh Xuân	8,5	9,5	8,5			8,3	8,8	8,7	học tốt, cần phát huy		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

HỌC KỲ I Sinh học (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoàng Ân	8,0	10,0	9,0			8,5	9,5	9,1	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
2	Trần Phúc Duy	8,0	7,0	7,0			7,0	7,8	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.	
3	Cao Văn Đức	8,0	9,0	8,0			8,3	8,5	8,4	Học giỏi, chăm ngoan.	
4	Trần Cẩm Giang	8,0	10,0	9,0			8,8	7,8	8,5	Học giỏi, chăm ngoan.	
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,0	Học giỏi, chăm ngoan.	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,2	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
7	Bùi Võ Minh Hiếu	9,0	7,0	8,0			8,3	7,5	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	10,0	8,0			8,8	9,0	9,0	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	8,0	9,0	9,0			8,0	7,3	8,0	Học giỏi, chăm ngoan.	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	7,0	8,0			8,5	7,8	8,1	Học giỏi, chăm ngoan.	
11	Trần Tuấn Khởi	9,0	8,0	8,0			7,3	6,8	7,5	Học khá, cần cố gắng hơn.	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	10,0	9,0			8,5	8,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan.	
13	Ngô Sơn Lộc	8,0	7,0	8,0			8,0	8,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan.	
14	Nguyễn Trúc Ly	10,0	10,0	8,0			9,0	8,3	8,9	Học giỏi, chăm ngoan.	
15	Huỳnh Thanh My	9,0	9,0	8,0			7,5	7,5	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	8,0	9,0			7,5	6,8	7,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	9,0	9,0			7,8	9,0	8,6	Học giỏi, chăm ngoan.	
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	7,0	9,0			7,8	8,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan.	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,9	Học giỏi, chăm ngoan.	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	10,0	9,0			8,3	8,5	8,6	Học giỏi, chăm ngoan.	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	10,0	9,0	9,0			8,5	9,0	9,0	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	10,0	9,0			8,8	7,0	8,5	Học giỏi, chăm ngoan.	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	8,0	8,0	9,0			8,8	9,8	9,0	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	9,0	10,0	9,0			7,5	9,5	8,9	Học giỏi, chăm ngoan.	
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	10,0	10,0	9,0			8,8	9,0	9,2	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
26	Phạm Thị Yến Nhi	10,0	10,0	9,0			9,3	8,0	9,0	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8,0	9,0	9,0			9,3	8,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan.	
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	8,0	7,0			7,5	7,5	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	7,0	9,0			7,0	6,8	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	8,0	9,0	9,0			8,8	8,5	8,6	Học giỏi, chăm ngoan.	
31	Võ Thanh Sang	9,0	8,0	8,0			7,0	7,3	7,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
32	Nguyễn Thanh Thảo										
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	7,0	9,0			8,3	7,8	8,1	Học giỏi, chăm ngoan.	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	10,0	8,0			8,8	8,5	8,8	Học giỏi, chăm ngoan.	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	8,0	10,0	9,0			7,8	7,5	8,1	Học giỏi, chăm ngoan.	
36	Dương Thị Diễm Trang	10,0	10,0	8,0			8,3	9,5	9,1	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	10,0	9,0			8,5	9,5	9,1	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	10,0	7,0			7,5	8,5	8,3	Học giỏi, chăm ngoan.	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	9,0	9,0	8,0			8,3	8,3	8,4	Học giỏi, chăm ngoan.	
40	Bùi Thế Vinh	10,0	9,0	8,0			8,3	8,3	8,6	Học giỏi, chăm ngoan.	
41	Võ Minh Vương	8,0	10,0	9,0			8,0	7,5	8,2	Học giỏi, chăm ngoan.	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	10,0	10,0	8,0			8,8	8,0	8,7	Học giỏi, chăm ngoan.	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	9,0	9,0			8,8	9,3	8,9	Học giỏi, chăm ngoan.	
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,3	Học giỏi, chăm ngoan, tiếp thu bài tốt	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Trang

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoàng Ân	7,0	8,0	8,0	7,0		7,0	7,0	7,2	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
2	Trần Phúc Duy	7,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
3	Cao Văn Đức	9,0	8,0	7,0	8,0		7,0	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
4	Trần Cẩm Giang	9,0	7,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	9,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	7,0	8,0	9,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
7	Bùi Võ Minh Hiếu	7,0	8,0	8,0	8,0		6,5	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
8	Trương Thị Tuyết Hương	8,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	8,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	7,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	8,0	7,0	8,0		6,5	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	7,0	9,0	8,0		7,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
15	Huỳnh Thanh My	8,0	7,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	7,0	8,0	9,0		7,5	8,0	7,9	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	7,0	9,0	8,0		7,5	7,0	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	7,0	7,0	7,0		7,0	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,0	8,0	6,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	7,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	8,0	7,0	8,0	7,0		7,0	7,0	7,2	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
26	Phạm Thị Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	7,0	7,0	7,0		7,0	7,5	7,3	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	8,0	7,0	8,0		7,0	7,5	7,5	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	8,0	7,0	8,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
31	Võ Thanh Sang	8,0	7,0	7,0	8,0		7,5	7,0	7,3	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
32	Nguyễn Thanh Thảo										
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	8,0	8,0	7,0		7,5	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	7,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	8,0	7,0	8,0		7,0	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	7,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,7	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	7,0	7,0	8,0		7,0	7,0	7,2	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	8,0	7,0	8,0	7,0		6,5	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	7,0	8,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
40	Bùi Thế Vinh	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	8,5	8,2	Học tốt, chăm ngoan	
41	Võ Minh Vương	8,0	8,0	9,0	8,0		8,0	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,0	6,0	8,0		7,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan, cần cố gắng	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,8	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	
44	Võ Thị Thanh Xuân	7,0	8,0	9,0	7,0		7,5	7,5	7,6	Học khá, chăm ngoan, có tiến bộ trong học tập	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoàng Ân	9,0	8,0	9,0			8,8	9,8	9,1	Học tốt chăm ngoan	
2	Trần Phúc Duy	8,0	9,0	8,0			8,8	9,3	8,8	Học tốt chăm ngoan	
3	Cao Văn Đức	8,0	7,0	9,0			8,0	8,0	8,0	Học tốt chăm ngoan	
4	Trần Cẩm Giang	9,0	7,0	10,0			8,8	9,3	8,9	Học tốt chăm ngoan	
5	Trương Thị Quỳnh Giang	9,0	8,0	10,0			9,8	9,0	9,2	Học tốt chăm ngoan	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Học tốt chăm ngoan	
7	Bùi Võ Minh Hiếu	8,0	8,0	9,0			8,3	8,5	8,4	Học tốt chăm ngoan	
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	10,0	10,0			7,8	8,5	8,8	Học tốt chăm ngoan	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	7,0	8,0	8,0			10,0	6,0	7,6	Học khá	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	8,0	8,0	9,0			9,8	9,3	9,1	Học tốt chăm ngoan	
11	Trần Tuấn Khôi	9,0	7,0	9,0			7,5	9,5	8,6	Học tốt chăm ngoan	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	8,0	7,0	10,0			9,5	9,3	9,0	Học tốt chăm ngoan	
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	8,0	9,0			9,5	9,8	9,3	Học tốt chăm ngoan	
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	10,0	10,0			10,0	9,0	9,5	Học tốt chăm ngoan	
15	Huỳnh Thanh My	8,0	8,0	10,0			8,3	6,5	7,8	Học khá	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	10,0	9,0	10,0			8,5	9,0	9,1	Học tốt chăm ngoan	
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	10,0	10,0			8,3	9,5	9,3	Học tốt chăm ngoan	
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	8,0	9,0			7,8	9,0	8,5	Học tốt chăm ngoan	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Học tốt chăm ngoan	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,0	8,0	10,0			8,5	9,3	9,0	Học tốt chăm ngoan	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	8,0	10,0			9,8	8,3	8,9	Học tốt chăm ngoan	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,5	Học tốt chăm ngoan	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	10,0	8,0	10,0			8,5	8,8	8,9	Học tốt chăm ngoan	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			9,8	9,3	9,7	Học tốt chăm ngoan	
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			9,3	9,3	9,6	Học tốt chăm ngoan	
26	Phạm Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			10,0	9,5	9,8	Học tốt chăm ngoan	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7,0	7,0	10,0			7,5	9,3	8,4	Học tốt chăm ngoan	
28	Nguyễn Minh Nhựt	7,0	7,0	8,0			8,0	6,8	7,3	Học khá	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	8,0	9,0			8,8	8,0	8,3	Học tốt chăm ngoan	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	10,0	10,0	10,0			9,3	9,0	9,5	Học tốt chăm ngoan	
31	Võ Thanh Sang	10,0	9,0	10,0			10,0	9,5	9,7	Học tốt chăm ngoan	
32	Nguyễn Thanh Thảo										
33	Nguyễn Trang Thảo	10,0	9,0	10,0			7,8	8,8	8,9	Học tốt chăm ngoan	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	10,0	9,0	10,0			10,0	9,3	9,6	Học tốt chăm ngoan	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10,0	8,0	10,0			10,0	9,8	9,7	Học tốt chăm ngoan	
36	Dương Thị Diễm Trang	10,0	10,0	10,0			9,5	9,3	9,6	Học tốt chăm ngoan	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	7,0	9,0			9,0	9,8	8,9	Học tốt chăm ngoan	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	8,0	9,0			8,8	8,8	8,8	Học tốt chăm ngoan	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	9,0	9,0	10,0			10,0	9,0	9,4	Học tốt chăm ngoan	
40	Bùi Thế Vinh	10,0	10,0	10,0			10,0	9,0	9,6	Học tốt chăm ngoan	
41	Võ Minh Vương	10,0	8,0	10,0			10,0	9,3	9,5	Học tốt chăm ngoan	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	10,0	10,0	10,0			9,0	9,3	9,5	Học tốt chăm ngoan	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	9,0	10,0			8,8	9,5	9,3	Học tốt chăm ngoan	
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	10,0			9,8	8,5	9,4	Học tốt chăm ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ I											
Địa Lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoàng Ân	9,0	10,0	8,0	8,0		7,5	7,5	8,1	Chăm ngoan, học giỏi	
2	Trần Phúc Duy	9,0	9,0	9,0	5,0		5,0	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá	
3	Cao Văn Đức	6,0	9,0	7,0	7,0		5,5	7,8	7,0	Chăm ngoan, học khá	
4	Trần Cẩm Giang	10,0	8,0	8,0	8,0		8,0	7,5	8,1	Chăm ngoan, học giỏi	
5	Trương Thị Quỳnh Giang	9,0	10,0	8,0	7,0		7,5	7,8	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	8,3	9,0	Chăm ngoan, học giỏi	
7	Bùi Võ Minh Hiếu	6,0	7,0	8,0	5,0		7,5	7,5	7,1	Chăm ngoan, học khá	
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	8,0	8,0	8,0		5,5	6,5	7,1	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	10,0	8,0	8,0	9,0		5,0	5,5	6,8	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	7,0	9,0	9,0	8,0		9,0	7,5	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
11	Trần Tuấn Khởi	8,0	9,0	10,0	7,0		7,0	7,3	7,8	Chăm ngoan, học khá	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	10,0	10,0	7,0		6,0	9,0	8,3	Chăm ngoan, học giỏi	
13	Ngô Sơn Lộc	7,0	7,0	8,0	7,0		6,5	7,3	7,1	Chăm ngoan, học khá	
14	Nguyễn Trúc Ly	10,0	8,0	8,0	8,0		9,5	7,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
15	Huỳnh Thanh My	10,0	8,0	8,0	9,0		4,5	5,5	6,7	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	10,0	8,0	7,0		5,0	7,5	7,3	Chăm ngoan, học khá	
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	10,0	10,0	9,0		7,5	8,5	8,6	Chăm ngoan, học giỏi	
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	7,0	8,0	8,0		4,5	7,5	6,9	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	6,0	7,0		8,0	8,8	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	8,0	9,0	7,0		4,5	6,8	6,8	Sức học có, cần phải cố gắng hơn nữa	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	10,0	9,0	8,0	7,0		8,0	7,8	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	9,0	8,0	8,0		6,5	9,3	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	10,0	8,0	9,0	5,0		7,5	7,0	7,6	Chăm ngoan, học khá	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	8,0	6,0	6,0	7,0		8,0	7,5	7,3	Chăm ngoan, học khá	
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	10,0	9,0	8,0	8,0		7,0	7,8	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	8,0	8,0	8,0		8,5	9,3	8,7	Chăm ngoan, học giỏi	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	8,3	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	10,0	8,0	6,0		5,0	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	9,0	10,0	5,0		7,0	6,5	7,3	Chăm ngoan, học khá	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	10,0	10,0	8,0	9,0		8,5	9,0	9,0	Chăm ngoan, học giỏi	
31	Võ Thanh Sang	8,0	8,0	6,0	9,0		5,5	8,0	7,3	Chăm ngoan, học khá	
32	Nguyễn Thanh Thảo										
33	Nguyễn Trang Thảo	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	9,0	8,7	Chăm ngoan, học giỏi	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	8,0	6,0	7,0		7,5	8,8	7,9	Chăm ngoan, học khá	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	10,0	10,0	6,0		7,5	8,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
36	Dương Thị Diễm Trang	8,0	10,0	8,0	7,0		8,5	8,5	8,4	Chăm ngoan, học giỏi	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	7,0	8,0	7,0		8,5	8,5	8,1	Chăm ngoan, học giỏi	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	7,0	6,0	7,0		6,5	7,5	7,2	Chăm ngoan, học khá	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	10,0	9,0	8,0	7,0		6,5	6,5	7,4	Chăm ngoan, học khá	
40	Bùi Thế Vinh	10,0	8,0	8,0	6,0		6,5	7,5	7,5	Chăm ngoan, học khá	
41	Võ Minh Vương	10,0	8,0	8,0	7,0		7,5	8,5	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	10,0	8,0	8,0	8,0		8,0	7,3	8,0	Chăm ngoan, học giỏi	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	8,0	8,0	8,0		7,5	5,5	7,3	Chăm ngoan, học khá	
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	10,0	7,0		8,0	7,0	8,2	Chăm ngoan, học giỏi	

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Ân	7,0	10,0	7,0	7,0		6,8	7,1	7,3	Học khá, cần cố gắng hơn.
2	Trần Phúc Duy	6,0	6,5	8,0	7,0		7,8	5,2	6,5	Học khá, cần cố gắng hơn.
3	Cao Văn Đức	6,0	7,5	8,0	7,0		8,0	6,2	7,0	Học khá, cần cố gắng hơn.
4	Trần Cẩm Giang	6,0	10,0	9,0	7,0		7,0	5,4	6,9	Học khá, cần cố gắng hơn.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	9,5	8,0	10,0		8,5	7,8	8,4	Học tốt, tích cực phát biểu.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	8,5	9,0	8,0		9,0	7,0	8,1	Học tốt, tích cực phát biểu.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	8,0	8,5	8,0	9,0		9,0	6,8	8,0	Học tốt.
8	Trương Thị Tuyết Hương	8,0	10,0	10,0	8,0		7,0	7,5	8,1	Học tốt.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	7,0	10,0	9,0	7,0		7,0	7,0	7,6	Học khá.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	8,0	8,5	8,0	8,0		9,0	7,2	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	9,0	7,0	7,0		8,0	7,0	7,6	Học khá, tích cực phát biểu.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	8,0	10,0	10,0	10,0		6,0	8,0	8,2	Học tốt, tích cực phát biểu.
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	9,0	9,0	9,0		8,0	6,8	8,0	Học tốt.
14	Nguyễn Trúc Ly	8,0	10,0	9,0	9,0		7,5	7,4	8,1	Học tốt, tích cực phát biểu.
15	Huỳnh Thanh My	7,0	5,5	9,0	10,0		6,5	7,5	7,4	Học khá, cần cố gắng hơn.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	9,5	9,0	10,0		8,5	7,6	8,5	Học tốt, tích cực phát biểu.
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	9,0	9,0	8,0		8,3	7,0	8,0	Học tốt.
18	Mai Thị Kim Ngân	6,0	8,0	8,0	9,0		7,8	6,2	7,2	Học khá, cần cố gắng hơn.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	8,0	9,0		7,3	7,6	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	9,5	9,0	8,0		6,8	8,6	8,2	Học tốt.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	8,0	9,5	10,0	8,0		7,3	7,3	8,0	Học tốt.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	8,0	10,0	9,0	8,0		8,5	7,6	8,3	Học tốt, tích cực phát biểu.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	8,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,1	8,4	Học tốt, tích cực phát biểu.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	6,0	8,5	8,0	8,0		7,3	7,7	7,6	Học khá.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	8,0	7,5	9,0	9,0		7,3	7,4	7,8	Học khá.
26	Phạm Thị Yến Nhi	8,0	10,0	9,0	8,0		8,5	7,6	8,3	Học tốt, tích cực phát biểu.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	8,5	7,0	9,0		8,3	7,2	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
28	Nguyễn Minh Nhựt	7,0	10,0	6,0	6,0		6,0	7,1	6,9	Cần cố gắng hơn trong học kì 2.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	6,0	8,5	8,0	7,0		7,8	6,0	7,0	Học khá, cần cố gắng hơn.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	8,0	9,0	9,0	8,0		9,0	7,4	8,2	Học tốt.
31	Võ Thanh Sang	8,0	9,0	9,0	7,0		6,5	6,0	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.
32	Nguyễn Thanh Thảo	9,0	7,0				0,0			
33	Nguyễn Trang Thảo	8,0	9,0	9,0	8,0		9,0	7,6	8,3	Học tốt, tích cực phát biểu.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	10,0	8,0	8,0	9,0		7,8	7,2	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	8,0	9,5	9,0	9,0		8,8	7,2	8,3	Học tốt, tích cực phát biểu.
36	Dương Thị Diễm Trang	8,0	10,0	10,0	8,0		7,3	7,0	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	10,0	10,0	8,0		7,3	7,0	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	6,0	9,0	7,0	9,0		7,3	6,2	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	8,0	10,0	10,0	9,0		7,3	6,8	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
40	Bùi Thế Vinh	10,0	10,0	10,0	10,0		8,0	8,4	9,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
41	Võ Minh Vương	8,0	8,5	9,0	7,0		7,5	6,8	7,5	Học khá.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	8,0	10,0	9,0	9,0		7,3	7,0	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	10,0	10,0	8,0		7,0	7,4	8,0	Học tốt, tích cực phát biểu.
44	Võ Thị Thanh Xuân	8,0	10,0	10,0	9,0		7,5	8,2	8,5	Học tốt, tích cực phát biểu.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

Giáo Dục Quốc Phòng

Giáo Dục Quốc Phòng

STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGc	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Ân	5,0	7,0				8,0	8,0	7,4	Học khá, có cố gắng.
2	Trần Phúc Duy	7,0	8,0				8,8	7,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
3	Cao Văn Đức	5,0	7,0				8,5	8,0	7,6	Học khá, có cố gắng.
4	Trần Cẩm Giang	9,0	9,0				9,3	8,8	9,0	Học tốt, chăm ngoan.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	8,0				8,5	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	9,0				8,5	8,0	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	7,0	8,0				8,8	7,8	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	9,0				8,5	8,0	8,4	Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	8,0	8,0				8,5	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
10	Nguyễn Dương YẾN Khoa	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	7,0				8,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	9,0				8,5	8,8	8,8	Học tốt, chăm ngoan.
13	Ngô Sơn Lộc	7,0	8,0				8,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	8,0				8,0	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
15	Huỳnh Thanh My	9,0	8,0				8,0	9,3	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	8,0				9,0	8,5	8,5	Học tốt, chăm ngoan.
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	8,0				8,5	7,3	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	9,0				8,5	10,0	9,1	Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,0	8,0				7,5	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	9,0				7,5	9,5	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	8,0				8,5	8,8	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	9,0	9,0				9,5	8,3	8,8	Học tốt, chăm ngoan.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	8,0	9,0				9,0	9,3	9,0	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	5,0	8,0				8,5	10,0	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	9,0	8,0				7,0	7,8	7,8	Học khá, có cố gắng.
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	9,0				9,5	8,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	9,0				8,0	7,3	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Minh Nhật	7,0	7,0				7,8	6,8	7,1	Học khá, có cố gắng.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	5,0	7,0				8,3	6,8	7,0	Học khá, có cố gắng.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	9,0				9,0	6,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
31	Võ Thanh Sang	5,0	8,0				8,0	6,8	7,1	Học khá, có cố gắng.
32	Nguyễn Thanh Thảo						8,5			
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	8,0				8,0	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	9,0				8,0	7,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	8,0	8,0				8,5	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Thị Diễm Trang	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	8,0	9,0				9,5	6,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	8,0	8,0				7,5	10,0	8,7	Học tốt, chăm ngoan.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	9,0	8,0				8,5	8,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.
40	Bùi Thế Vinh	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	Học tốt, chăm ngoan.
41	Võ Minh Vương	8,0	8,0				8,5	8,0	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,0				8,0	7,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0				7,5	9,3	8,6	Học tốt, chăm ngoan.
44	Võ Thị Thanh Xuân	9,0	9,0				8,5	10,0	9,3	Học tốt, chăm ngoan.

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En

HỌC KỲ I

Giáo dục kinh tế và pháp luật

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoàng Ân	10,0	10,0	9,0			9,8	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
2	Trần Phúc Duy	10,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
3	Cao Văn Đức	10,0	10,0	9,0			9,3	9,5	9,5	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
4	Trần Cẩm Giang	10,0	10,0	9,0			10,0	10,0	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	10,0	10,0	10,0			9,5	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
8	Trương Thị Tuyết Hương	10,0	10,0	10,0			9,5	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
11	Trần Tuấn Khôi	10,0	10,0	10,0			9,3	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
13	Ngô Sơn Lộc	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
14	Nguyễn Trúc Ly	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
15	Huỳnh Thanh My	10,0	10,0	9,0			9,8	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	10,0	10,0	10,0			9,3	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
17	Lê Thị Kiều Ngân	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
18	Mai Thị Kim Ngân	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	10,0	10,0			9,5	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	10,0	10,0	10,0			9,5	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
26	Phạm Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	10,0	10,0	9,0			9,8	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
28	Nguyễn Minh Nhựt	10,0	10,0	9,0			9,8	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
31	Võ Thanh Sang	10,0	10,0	10,0			9,5	9,8	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
32	Nguyễn Thanh Thảo									
33	Nguyễn Trang Thảo	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	10,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,7	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
36	Dương Thị Diễm Trang	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	10,0	10,0	10,0			9,3	9,5	9,6	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
40	Bùi Thế Vinh	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
41	Võ Minh Vương	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	10,0	10,0			9,8	9,8	9,9	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	Chăm, ngoan, lễ phép. Học tốt.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đinh Thị Hồng Lan

HỌC KỲ I										
Giáo dục thể chất		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)								
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
31	Võ Thanh Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
32	Nguyễn Thanh Thảo									
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
41	Võ Minh Vương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt
44	Võ Thị Thanh Xuân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tập luyện tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Hồ Minh Tiến

Giáo dục địa phương											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ								
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
31	Võ Thanh Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Nguyễn Thanh Thảo										
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Võ Minh Vương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
44	Võ Thị Thanh Xuân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HDTrN-HN

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
31	Võ Thanh Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
32	Nguyễn Thanh Thảo									
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Sức học tốt
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
41	Võ Minh Vương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi
44	Võ Thị Thanh Xuân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm ngoan, học giỏi

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ	Đ	7,7	6,9	9,1	7,2	9,1	8,1	7,3	7,4	9,8	K	T
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ	Đ	7,9	7,2	7,4	7,3	8,8	7,2	6,5	8,0	9,5	K	T
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ	Đ	8,1	7,9	8,4	7,6	8,0	7,0	7,0	7,6	9,5	K	T
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ	Đ	7,8	7,0	8,5	7,7	8,9	8,1	6,9	9,0	9,9	K	T
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ	Đ	8,4	9,0	8,0	7,7	9,2	8,0	8,4	8,1	9,8	T	T
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ	Đ	9,1	8,6	9,2	7,7	9,8	9,0	8,1	8,4	9,8	T	T
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ	Đ	8,2	8,1	7,9	7,4	8,4	7,1	8,0	8,0	9,8	T	T
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ	Đ	8,8	9,7	9,0	7,6	8,8	7,1	8,1	8,4	9,8	T	T
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ	Đ	7,8	6,8	8,0	7,6	7,6	6,8	7,6	8,1	9,9	K	T
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ	Đ	9,0	8,0	8,1	7,7	9,1	8,2	8,0	8,0	9,9	T	T
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ	Đ	8,2	6,8	7,5	7,4	8,6	7,8	7,6	8,0	9,6	K	T
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ	Đ	8,8	8,7	8,8	7,6	9,0	8,3	8,2	8,8	9,9	T	T
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ	Đ	8,3	8,5	8,1	7,3	9,3	7,1	8,0	8,0	9,8	T	T
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ	Đ	8,6	9,0	8,9	8,0	9,5	8,4	8,1	8,1	9,9	T	T
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ	Đ	7,5	7,2	7,9	7,4	7,8	6,7	7,4	8,7	9,6	K	T
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ	Đ	8,5	8,6	7,7	7,9	9,1	7,3	8,5	8,5	9,8	T	T
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ	Đ	8,9	7,8	8,6	7,6	9,3	8,6	8,0	8,0	9,8	T	T
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	7,5	8,4	8,1	7,1	8,5	6,9	7,2	9,1	9,8	K	T
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	9,4	9,0	8,9	7,7	9,7	8,2	8,0	8,0	9,7	T	T
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ	Đ	9,2	9,1	8,6	7,4	9,0	6,8	8,2	8,6	9,9	T	T
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,7	9,0	9,0	7,8	8,9	8,2	8,0	8,6	9,9	T	T
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ	Đ	8,5	9,3	8,5	7,6	9,5	8,4	8,3	8,8	9,8	T	T
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ	Đ	8,9	8,5	9,0	7,7	8,9	7,6	8,4	9,0	9,8	T	T
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,2	9,6	8,9	7,2	9,7	7,3	7,6	8,6	9,8	T	T
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,1	8,1	9,2	8,0	9,6	8,0	7,8	7,8	9,9	T	T
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,6	9,7	9,0	8,0	9,8	8,7	8,3	8,7	9,9	T	T
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,8	7,3	8,8	7,5	8,4	8,4	8,0	8,0	9,6	T	T
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ	Đ	7,3	6,5	7,6	7,3	7,3	7,2	6,9	7,1	9,6	K	K
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ	Đ	8,1	6,8	7,3	7,5	8,3	7,3	7,0	7,0	9,7	K	T
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ	Đ	8,3	7,7	8,6	7,7	9,5	9,0	8,2	8,1	9,9	T	T
31	Vô Thanh Sang	Đ	Đ	Đ	8,3	7,8	7,6	7,3	9,7	7,3	7,1	7,1	9,8	K	T
32	Nguyễn Thanh Thảo														
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ	Đ	8,3	8,5	8,1	7,7	8,9	8,7	8,3	8,1	9,9	T	T
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ	Đ	9,2	8,9	8,8	7,6	9,6	7,9	8,0	8,1	9,9	T	T
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	8,9	9,0	8,1	7,6	9,7	8,4	8,3	8,1	9,7	T	T
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ	Đ	9,4	8,1	9,1	7,7	9,6	8,4	8,0	8,0	9,8	T	T
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ	Đ	9,2	7,8	9,1	7,2	8,9	8,1	8,0	8,1	9,8	T	T
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ	Đ	7,5	8,9	8,3	7,1	8,8	7,2	7,1	8,7	9,6	K	T
39	Hồ Trương Thụy Thâm Tuyên	Đ	Đ	Đ	8,2	8,3	8,4	7,4	9,4	7,4	8,0	8,3	9,9	T	T
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ	Đ	9,3	8,5	8,6	8,2	9,6	7,5	9,0	8,0	9,8	T	T
41	Vô Minh Vương	Đ	Đ	Đ	9,1	7,3	8,2	8,1	9,5	8,2	7,5	8,1	9,9	T	T
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	8,1	7,6	8,7	7,4	9,5	8,0	8,0	8,1	9,9	T	T
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,8	9,8	8,9	7,8	9,3	7,3	8,0	8,6	9,9	T	T
44	Vô Thị Thanh Xuân	Đ	Đ	Đ	9,2	8,7	9,3	7,6	9,4	8,2	8,5	9,3	9,8	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trịnh Thị Ngọc Hân

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	7,0	8,0	6,0	9,0		5,5	7,5	7,1	7.3			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
2	Trần Phúc Duy	8,0	8,0	7,0	7,0		6,0	8,5	7,5	7.6			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
3	Cao Văn Đức	7,0	7,0	8,0	6,0		5,5	8,0	7,0	7.4			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
4	Trần Cẩm Giang	8,0	8,0	7,0	9,0		5,0	7,5	7,2	7.4			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	9,0	9,0	8,0	8,0		6,0	9,0	8,1	8.2			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	9,0	10,0	8,0		9,0	9,3	9,1	9.1			Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	8,0	8,0	7,0	7,0		7,0	8,5	7,7	7.9			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	8,0	7,0	9,0		8,3	9,0	8,5	8.6			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	9,0	8,0	7,0	8,0		7,0	8,0	7,8	7.8			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	9,0	10,0	8,0		9,0	10,0	9,3	9.2			Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	8,0	7,0	8,0		5,0	5,8	6,5	7.1			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	9,0	7,0	10,0		7,0	9,0	8,4	8.5			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
13	Ngô Sơn Lộc	8,0	8,0	7,0	8,0		5,0	7,3	7,0	7.4			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
14	Nguyễn Trúc Ly	8,0	8,0	7,0	9,0		8,5	10,0	8,8	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
15	Huỳnh Thanh My	8,0	7,0	7,0	7,0		6,0	8,5	7,4	7.4			Hoàn thành được các yêu cầu của bộ môn
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	8,0	7,0	8,0		5,5	8,0	7,3	7.7			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	9,0	8,0	10,0		8,5	10,0	9,2	9.1			Hiểu bài, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào cuộc sống.
18	Mai Thị Kim Ngân	8,0	9,0	8,0	9,0		6,5	7,3	7,7	7.6			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,0	8,0	8,0	9,0		8,5	9,0	8,7	8.9			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	8,0	8,0	9,0		7,5	9,3	8,4	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	8,0	9,0	9,0	9,0		7,5	8,3	8,3	8.4			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyễn	9,0	8,0	7,0	9,0		8,0	10,0	8,8	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	8,0	7,0	9,0		7,5	8,3	8,1	8.4			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	8,0	8,0	7,0	9,0		8,5	8,0	8,1	8.1			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	9,0	8,0	8,0	8,0		7,5	7,0	7,7	7.8			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
26	Phạm Thị Yến Nhi	8,0	9,0	7,0	9,0		7,5	10,0	8,7	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	8,0	8,0	9,0		8,3	8,8	8,6	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	8,0	7,0	7,0		7,0	8,8	7,8	7.6			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	9,0	7,0	8,0	8,0		5,5	6,5	6,9	7.3			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	8,0	7,0	9,0		7,5	9,3	8,4	8.4			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
31	Võ Thanh Sang	9,0	8,0	7,0	8,0		6,5	5,5	6,8	7.3			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	8,0	9,0	8,0	9,0		7,0	8,5	8,2	8.2			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	8,0	9,0	8,0	9,0		7,5	9,0	8,4	8.7			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	8,0	7,0	9,0		7,5	9,5	8,5	8.6			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	9,0	8,0	10,0		8,0	8,8	8,7	8.9			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	10,0	8,0	9,0		7,5	9,5	8,8	8.9			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	8,0	8,0	9,0	8,0		5,0	6,0	6,8	7.0			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	8,0	8,0	7,0	9,0		6,5	7,8	7,6	7.8			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
40	Bùi Thế Vinh	9,0	9,0	9,0	8,0		7,5	8,0	8,2	8.6			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
41	Võ Minh Vương	8,0	8,0	7,0	9,0		7,0	7,0	7,4	8.0			Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	7,0	9,0	7,0		7,8	10,0	8,6	8.4			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	8,0	9,0		7,5	8,3	8,2	8.4			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
44	Võ Thị Thanh Xuân	9,0	9,0	8,0	10,0		7,0	8,3	8,3	8.6			Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

HÓA HỌC (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	8,5	8,0	7,0			7,5	6,0	7,1	7.0			Học khá, cố gắng thêm.
2	Trần Phúc Duy	8,0	8,0	8,0			7,0	5,5	6,8	6.9			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
3	Cao Văn Đức	9,0	8,0	7,5			6,0	6,8	7,1	7.4			Học khá, cố gắng thêm.
4	Trần Cẩm Giang	9,5	9,0	8,0			7,5	7,8	8,1	7.7			Học tốt, cần phát huy.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	10,0	9,5	9,0			9,0	8,8	9,1	9.1			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	9,0	8,5			9,3	6,5	8,2	8.3			Học tốt, cần phát huy.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	9,0	9,0	8,5			8,3	5,3	7,4	7.6			Học khá, cố gắng thêm.
8	Trương Thị Tuyết Hương	10,0	9,5	9,0			8,8	8,8	9,1	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	9,0	9,5	9,0			7,3	8,8	8,6	8.0			Học tốt, cần phát huy.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	8,5	8,0			8,0	6,8	7,7	7.8			Học khá, cố gắng thêm.
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	7,5	7,0			6,0	6,0	6,6	6.7			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,5	9,0	8,5			8,5	6,8	8,1	8.3			Học tốt, cần phát huy.
13	Ngô Sơn Lộc	8,5	9,0	8,5			7,5	6,0	7,4	7.8			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
14	Nguyễn Trúc Ly	10,0	10,0	9,5			9,3	9,5	9,6	9.4			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
15	Huỳnh Thanh My	9,5	9,5	9,0			8,5	7,3	8,4	8.0			Học tốt, cần phát huy.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	9,0	8,0			8,3	6,8	7,9	8.1			Học khá, cố gắng thêm.
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,5	8,0	7,5			8,5	5,3	7,2	7.4			Học khá, cố gắng thêm.
18	Mai Thị Kim Ngân	9,5	8,5	8,0			8,8	6,3	7,8	8.0			Học khá, cố gắng thêm.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,5	8,5	8,0			8,3	6,5	7,8	8.2			Học khá, cố gắng thêm.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,5	8,5	8,5			8,8	8,5	8,7	8.8			Học tốt, cần phát huy.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	2,0	8,0	8,0			8,5	7,5	7,2	7.8			Học khá, cố gắng thêm.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	10,0	9,5			9,5	9,3	9,6	9.5			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,5	9,5	9,0			8,5	8,8	8,9	8.8			Học tốt, cần phát huy.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	10,0	9,5	9,5			9,5	8,5	9,2	9.3			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	10,0	9,5	8,5			8,8	8,5	8,9	8.6			Học tốt, cần phát huy.
26	Phạm Thị Yến Nhi	10,0	10,0	9,5			9,3	9,3	9,5	9.6			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,5	8,5	8,0			8,3	6,5	7,8	7.6			Học khá, cố gắng thêm.
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,5	9,0	9,0			7,5	5,0	7,1	6.9			Học được, cần cố gắng nhiều hơn.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,5	8,5	8,0			7,5	6,8	7,6	7.3			Học khá, cố gắng thêm.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	10,0	9,0	8,0			9,5	6,3	8,1	8.0			Học tốt, cần phát huy.
31	Võ Thanh Sang	9,0	8,5	7,5			8,0	6,0	7,4	7.5			Học khá, cố gắng thêm.
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	9,5	8,5	8,5			8,8	6,5	8,0	8.2			Học tốt, cần phát huy.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,5	8,5	8,0			8,3	6,5	7,8	8.2			Học khá, cố gắng thêm.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,5	9,0	9,0			8,3	8,8	8,8	8.9			Học tốt, cần phát huy.
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	9,0	9,0			8,3	7,5	8,3	8.2			Học tốt, cần phát huy.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	8,5	9,0			8,5	7,0	8,1	8.0			Học khá, cố gắng thêm.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,5	9,0	8,5			8,3	7,0	8,1	8.4			Học tốt, cần phát huy.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	8,5	8,5	8,0			6,3	7,3	7,4	7.7			Học khá, cố gắng thêm.
40	Bùi Thế Vinh	9,0	9,0	8,5			8,3	8,0	8,4	8.4			Học tốt, cần phát huy.
41	Võ Minh Vương	9,0	8,5	8,0			8,0	8,0	8,2	7.9			Học tốt, cần phát huy.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,5	8,0			7,5	8,0	8,1	7.9			Học tốt, cần phát huy.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	10,0	9,5	9,5			9,3	8,8	9,3	9.5			Học giỏi, ý thức học tập tốt.
44	Võ Thị Thanh Xuân	9,5	9,0	8,5			8,8	7,8	8,5	8.6			Học tốt, cần phát huy.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Lê Tấn Đức

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	9,0	7,0	9,0			6,5	8,3	7,9	8.3			Chăm ngoan, học khá.
2	Trần Phúc Duy	8,0	9,0	9,0			6,3	8,8	8,1	7.9			Chăm ngoan, học khá.
3	Cao Văn Đức	9,0	8,0	8,0			6,8	8,8	8,1	8.2			Chăm ngoan, học khá.
4	Trần Cẩm Giang	8,0	8,0	10,0			6,8	8,5	8,1	8.2			Chăm ngoan, học khá.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	9,0	10,0	10,0			7,5	8,3	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	10,0	10,0			9,0	8,8	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	9,0	10,0	9,0			6,8	8,8	8,5	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,4	9.3			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	8,0	9,0	9,0			9,0	9,5	9,1	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	9,0	10,0			9,8	8,5	9,1	8.8			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
11	Trần Tuấn Khôi	9,0	9,0	8,0			7,5	8,8	8,4	8.1			Chăm ngoan, học tốt.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	8,0	9,0	10,0			8,8	8,8	8,9	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
13	Ngô Sơn Lộc	9,0	9,0	9,0			6,8	8,8	8,4	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
14	Nguyễn Trúc Ly	10,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,8	9.5			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
15	Huỳnh Thanh My	9,0	8,0	9,0			7,5	7,5	7,9	7.9			Chăm ngoan, có tiến bộ.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,8	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	10,0	10,0			8,8	8,0	8,8	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
18	Mai Thị Kim Ngân	9,0	8,0	9,0			8,3	8,3	8,4	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	10,0			9,8	8,0	9,0	9.0			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	9,0	9,0			9,5	9,3	9,1	8.9			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	8,0	10,0			9,3	8,5	8,9	8.9			Chăm ngoan, học tốt.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	10,0	10,0	10,0			9,0	8,5	9,2	9.0			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	9,0	10,0			9,5	9,0	9,3	9.2			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			8,3	9,0	9,2	9.1			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	9,0	8,0	10,0			7,5	9,0	8,6	8.8			Chăm ngoan, học tốt.
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.4			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	8,0	10,0			9,3	8,8	9,0	8.9			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
28	Nguyễn Minh Nhựt	9,0	9,0	8,0			7,8	8,8	8,5	8.2			Chăm ngoan, học tốt.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	9,0	9,0	8,0			8,8	8,8	8,8	8.3			Chăm ngoan, học tốt.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	9,0	10,0			6,5	8,5	8,3	8.4			Chăm ngoan, học tốt.
31	Võ Thanh Sang	8,0	8,0	10,0			9,0	8,5	8,7	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	8,0	10,0			8,0	8,5	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	10,0	9,0			9,3	8,5	9,0	8.9			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	10,0	9,0			8,0	9,0	8,9	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	10,0	10,0			8,8	8,8	9,1	9.1			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	10,0	9,0			9,5	9,0	9,3	9.2			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	10,0	10,0			8,5	8,5	8,9	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	8,0	9,0	10,0			8,8	8,5	8,8	8.7			Chăm ngoan, học tốt.
40	Bùi Thế Vinh	10,0	9,0	10,0			8,8	8,5	9,0	8.9			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
41	Võ Minh Vương	9,0	10,0	10,0			8,0	8,3	8,7	8.5			Chăm ngoan, học tốt.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	8,0	10,0			8,3	8,3	8,6	8.6			Chăm ngoan, học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	9,0	10,0			9,3	9,0	9,1	9.0			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	9,0	10,0			9,3	8,8	9,3	9.3			Chăm ngoan, học tốt, tích cực trong học tập.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

HỌC KỲ II														
Ngữ văn		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Hoàng Ân	7,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan	
2	Trần Phúc Duy	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	8,0	7,0	8,1	7.8			Cần cố gắng	
3	Cao Văn Đức	8,0	8,0	7,0	8,0	9,0	7,0	5,5	7,1	7.3			Học khá, chăm ngoan	
4	Trần Cẩm Giang	8,0	7,0	9,0	8,0	9,0	7,0	6,0	7,3	7.4			Học khá, chăm ngoan	
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	9,0	7,0	9,0	7,0	7,5	7,5	7,8	7.8			Tích cực trong giờ học	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	7,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,0	7,9	7.8			Tích cực trong giờ học	
7	Bùi Võ Minh Hiếu	8,0	8,0	9,0	9,0	8,0	7,5	8,0	8,1	7.9			Học khá, chăm ngoan	
8	Trương Thị Tuyết Hương	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	7,5	6,0	7,4	7.5			Học khá, chăm ngoan	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	7,0	8,0	9,0	9,0	8,0	7,0	7,0	7,6	7.6			Học khá, chăm ngoan	
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	8,0	8,1	8.0			Tích cực trong giờ học	
11	Trần Tuấn Khôi	7,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,0	7,0	7,4	7.4			Học khá, chăm ngoan	
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	7,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,5	6,0	7,2	7.3			Học khá, chăm ngoan	
13	Ngô Sơn Lộc	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	6,5	7,1	7.2			Học khá, chăm ngoan	
14	Nguyễn Trúc Ly	8,0	7,0	9,0	7,0	9,0	7,5	8,5	8,1	8.1			Tích cực trong giờ học	
15	Huỳnh Thanh My	7,0	7,0	8,0	8,0	8,0	7,5	8,0	7,7	7.6			Tích cực trong giờ học	
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	7,0	8,0	7,0	8,0	7,5	6,5	7,3	7.5			Học khá, chăm ngoan	
17	Lê Thị Kiều Ngân	7,0	7,0	9,0	8,0	9,0	7,5	8,0	7,9	7.8			Tích cực trong giờ học	
18	Mai Thị Kim Ngân	7,0	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,2	7.2			Học khá, chăm ngoan	
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	8,0	9,0	7,0	9,0	7,0	7,5	8,0	7,9	7.8			Tích cực trong giờ học	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	7,5	8,0	8,0	7.8			Tích cực trong giờ học	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	7,5	8,0	7.9			Tích cực trong giờ học	
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	7,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	6,5	7,6	7.6			Tích cực trong giờ học	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,9	7.8			Tích cực trong giờ học	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	7,0	8,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan	
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	7,5	8,0	8.0			Tích cực trong giờ học	
26	Phạm Thị Yến Nhi	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,0	8,1	8.1			Tích cực trong giờ học	
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8,0	8,0	8,0	8,0	9,0	7,5	8,0	8,0	7.8			Tích cực trong giờ học	
28	Nguyễn Minh Nhựt	6,0	7,0	8,0	8,0	7,0	7,5	7,0	7,2	7.2			Cần cố gắng	
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	5,5	6,8	7.0			Cần cố gắng	
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	8,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,5	8,0	7,7	7.7			Tích cực trong giờ học	
31	Võ Thanh Sang	8,0	7,0	7,0	7,0	7,0	7,5	8,0	7,5	7.4			Học khá, chăm ngoan	
32	Nguyễn Thanh Thảo													
33	Nguyễn Trang Thảo	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	7,5	7,8	7.8			Tích cực trong giờ học	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	7,0	7,8	7.7			Tích cực trong giờ học	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	8,0	8,0	7,0	8,0	7,0	7,0	7,0	7,3	7.4			Học khá, chăm ngoan	
36	Dương Thị Diễm Trang	8,0	7,0	9,0	7,0	9,0	7,0	7,0	7,5	7.6			Học khá, chăm ngoan	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	7,0	8,0	7,0	8,0	7,0	6,5	6,0	6,8	6.9			Cần cố gắng	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	7,0	7,0	8,0	9,0	8,0	7,0	6,0	7,1	7.1			Học khá, chăm ngoan	
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	8,0	8,0	8,0	8,0	8,0	7,5	7,5	7,8	7.7			Tích cực trong giờ học	
40	Bùi Thế Vinh	9,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,5	8,4	8.3			Tích cực trong giờ học	
41	Võ Minh Vương	9,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,0	8,0	8.0			Tích cực trong giờ học	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	8,0	8,0	9,0	8,0	8,0	7,5	7,5	7,9	7.7			Học khá, chăm ngoan	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,5	8,1	8.0			Tích cực trong giờ học	
44	Võ Thị Thanh Xuân	8,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,5	8,0	8,1	7.9			Tích cực trong giờ học	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trịnh Thị Ngọc Hân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	7,0	8,0	10,0	8,0		8,0	9,5	8,6	8.8			Học tốt
2	Trần Phúc Duy	7,0	10,0	8,0	10,0		7,5	9,8	8,8	8.8			Học tốt
3	Cao Văn Đức	9,0	8,0	9,0	9,0		7,8	8,0	8,3	8.2			Học tốt
4	Trần Cẩm Giang	9,0	9,0	9,0	10,0		8,8	9,8	9,3	9.2			Học tốt chăm ngoan
5	Trương Thị Quỳnh Giang	9,0	9,0	9,0	10,0		7,8	10,0	9,2	9.2			Học tốt chăm ngoan
6	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	9,0	9,0	10,0		9,0	9,8	9,4	9.5			Học tốt chăm ngoan
7	Bùi Võ Minh Hiếu	9,0	10,0	9,0	9,0		8,3	8,3	8,7	8.6			Học tốt
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	9,0	9,0	10,0		8,5	8,0	8,7	8.7			Học tốt chăm ngoan
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	7,0	10,0	9,0	9,0		9,3	7,5	8,5	8.2			Học tốt chăm ngoan
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	8,0	9,0	9,0	10,0		9,8	9,8	9,4	9.3			Học tốt chăm ngoan
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	8,0	10,0	9,0		8,8	8,0	8,5	8.5			Học tốt chăm ngoan
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	9,0	9,0	10,0		9,0	10,0	9,4	9.3			Học tốt chăm ngoan
13	Ngô Sơn Lộc	7,0	8,0	9,0	8,0		8,5	9,5	8,6	8.8			Học tốt
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	9,0	9,0	10,0		9,3	10,0	9,5	9.5			Học tốt chăm ngoan
15	Huỳnh Thanh My	9,0	10,0	9,0	9,0		7,0	7,5	8,2	8.1			Học tốt
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	10,0	9,0	10,0		9,0	8,3	9,0	9.0			Học tốt chăm ngoan
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	10,0	9,0	10,0		8,5	9,5	9,3	9.3			Học tốt chăm ngoan
18	Mai Thị Kim Ngân	7,0	8,0	9,0	8,0		8,5	8,8	8,4	8.4			Học tốt
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,0	10,0	9,0	9,0		8,0	10,0	9,2	9.4			Học tốt chăm ngoan
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,0	9,0	9,0	10,0		7,8	9,3	8,9	8.9			Học tốt chăm ngoan
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	9,0	9,0	8,0		8,0	10,0	9,0	9.0			Học tốt chăm ngoan
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	9,0	10,0	9,0	9,0		9,3	10,0	9,5	9.5			Học tốt chăm ngoan
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	9,0	9,0	8,0		9,5	9,5	9,2	9.1			Học tốt chăm ngoan
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	9,0	10,0	9,0	9,0		9,5	9,8	9,5	9.6			Học tốt chăm ngoan
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	9,0	10,0	9,0	9,0		8,8	10,0	9,4	9.5			Học tốt chăm ngoan
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	10,0	9,0	10,0		9,5	10,0	9,7	9.7			Học tốt chăm ngoan
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8,0	8,0	8,0	9,0		9,5	8,8	8,7	8.6			Học tốt
28	Nguyễn Minh Nhựt	7,0	10,0	9,0	8,0		8,5	9,3	8,8	8.3			Học tốt
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	9,0	8,0	8,0	9,0		9,5	10,0	9,2	8.9			Học tốt chăm ngoan
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	10,0	9,0	9,0		9,3	9,8	9,4	9.4			Học tốt chăm ngoan
31	Võ Thanh Sang	9,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,5	9,2	9.4			Học tốt chăm ngoan
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	9,0	9,0	9,0		7,5	9,8	8,9	8.9			Học tốt chăm ngoan
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	10,0	8,0	8,0		8,0	9,8	8,9	9.1			Học tốt chăm ngoan
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	10,0	9,0	8,0		9,5	9,3	9,2	9.4			Học tốt chăm ngoan
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	10,0	9,0	9,0		9,3	9,5	9,3	9.4			Học tốt chăm ngoan
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	7,0	9,0	7,0		8,8	7,5	8,0	8.3			Học tốt
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	9,0	8,0	7,0		7,3	8,5	8,1	8.3			Học tốt
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	9,0	8,0	9,0	8,0		8,8	9,3	8,8	9.0			Học tốt chăm ngoan
40	Bùi Thế Vinh	9,0	10,0	9,0	9,0		9,3	10,0	9,5	9.5			Học tốt chăm ngoan
41	Võ Minh Vương	9,0	10,0	9,0	9,0		9,8	8,8	9,2	9.3			Học tốt chăm ngoan
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	10,0	9,0	9,0		8,5	9,3	9,1	9.2			Học tốt chăm ngoan
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	8,0	9,0	9,0		9,3	8,5	8,8	9.0			Học tốt chăm ngoan
44	Võ Thị Thanh Xuân	9,0	9,0	9,0	9,0		9,3	8,8	9,0	9.1			Học tốt chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

HỌC KỲ II													
Địa Lý													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	9,0	10,0	10,0			9,5	7,5	8,8	8.6			Chăm ngoan, học tốt
2	Trần Phúc Duy	8,0	6,0	10,0			7,5	8,8	8,2	7.9			Chăm ngoan, học tốt
3	Cao Văn Đức	8,0	10,0	10,0			9,5	9,0	9,3	8.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
4	Trần Cẩm Giang	9,0	10,0	10,0			10,0	8,3	9,2	8.8			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
5	Trương Thị Quỳnh Giang	8,0	9,0	10,0			9,5	8,5	8,9	8.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
6	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	6,0	10,0			9,0	9,0	8,8	8.9			Chăm ngoan, học tốt
7	Bùi Võ Minh Hiếu	7,0	6,0	9,0			9,0	5,5	7,1	7.1			Chăm ngoan, học khá
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	10,0	10,0			9,5	8,0	9,0	8.4			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	9,0	10,0	8,0			9,0	7,0	8,3	7.8			Chăm ngoan, học tốt
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	9,0	10,0	10,0			10,0	8,5	9,3	8.9			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
11	Trần Tuấn Khôi	8,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,4	8.9			Chăm ngoan, học tốt
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	10,0	10,0			8,5	7,3	8,5	8.4			Chăm ngoan, học tốt
13	Ngô Sơn Lộc	8,0	6,0	9,0			9,0	6,5	7,6	7.4			Chăm ngoan, học khá
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	10,0	10,0			9,5	8,5	9,2	8.9			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
15	Huỳnh Thanh My	10,0	7,0	9,0			6,0	5,0	6,6	6.6			Chăm ngoan, học khá
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	9,0	9,0	10,0			6,5	9,0	8,5	8.1			Chăm ngoan, học tốt
17	Lê Thị Kiều Ngân	9,0	6,0	10,0			9,5	6,5	7,9	8.1			Chăm ngoan, học khá
18	Mai Thị Kim Ngân	9,0	8,0	9,0			9,0	7,0	8,1	7.7			Chăm ngoan, học tốt
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10,0	8,0	8,0			9,0	9,5	9,1	8.8			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
20	Nguyễn Tuyết Ngân	9,0	9,0	9,0			8,5	7,5	8,3	7.8			Chăm ngoan, học tốt
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	10,0	10,0			9,0	8,8	9,2	8.9			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	9,0	10,0	10,0			9,5	9,5	9,6	9.2			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	9,0	9,0	9,0			8,5	5,5	7,6	7.6			Chăm ngoan, học khá
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	9,0	6,0	9,0			10,0	10,0	9,3	8.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	9,0	10,0	10,0			8,0	5,8	7,8	7.9			Chăm ngoan, học khá
26	Phạm Thị Yến Nhi	10,0	10,0	10,0			10,0	9,8	9,9	9.5			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	9,0	10,0	10,0			10,0	9,5	9,7	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	6,0	10,0			6,5	8,0	7,6	7.5			Chăm ngoan, học khá
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	8,0	10,0	10,0			8,0	6,5	7,9	7.7			Chăm ngoan, học khá
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	10,0	10,0			9,5	9,3	9,5	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
31	Võ Thanh Sang	9,0	9,0	9,0			9,5	10,0	9,5	8.8			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	10,0	10,0			10,0	9,3	9,6	9.3			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	9,0	8,0	8,0			8,0	9,3	8,6	8.4			Chăm ngoan, học tốt
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	9,0	10,0	10,0			10,0	9,0	9,5	9.1			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	10,0	10,0			9,5	6,5	8,4	8.4			Chăm ngoan, học tốt
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	10,0	10,0			9,0	6,5	8,3	8.2			Chăm ngoan, học tốt
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	9,0	8,0	9,0			8,0	7,0	7,9	7.7			Chăm ngoan, học khá
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	10,0	8,0	10,0			7,0	5,0	7,1	7.2			Chăm ngoan, học khá
40	Bùi Thế Vinh	9,0	7,0	9,0			8,5	8,3	8,4	8.1			Chăm ngoan, học tốt
41	Võ Minh Vương	10,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,8	8.6			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	10,0	10,0			10,0	7,8	9,1	8.7			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	10,0	10,0			8,0	5,0	7,5	7.4			Chăm ngoan, học khá
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	10,0			9,5	8,8	9,4	9.0			Chăm ngoan, học tốt, có ý thức học tập

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Hiện

HỌC KỲ II Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoàng Ân	8,0	5,5	7,0	7,0		8,0	7,6	7,4	7.4			Học khá, cần cố gắng hơn.
2	Trần Phúc Duy	7,0	7,0	6,5	7,0		7,8	8,2	7,5	7.2			Học khá, cần cố gắng hơn.
3	Cao Văn Đức	7,0	10,0	7,5	8,0		9,0	8,2	8,3	7.9			Học tốt.
4	Trần Cẩm Giang	9,0	5,5	7,0	6,0		8,3	7,8	7,5	7.3			Học khá.
5	Trương Thị Quỳnh Giang	7,0	8,5	8,5	9,0		8,5	9,4	8,7	8.6			Học tốt.
6	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	9,0	9,0	8.7			Học tốt, tích cực phát biểu.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	8,0	6,0	8,5	9,0		9,0	9,4	8,6	8.4			Học tốt, tích cực phát biểu.
8	Trương Thị Tuyết Hương	9,0	5,5	7,5	7,0		9,0	9,2	8,3	8.2			Học tốt.
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	9,0	6,5	7,5	8,0		7,8	9,0	8,2	8.0			Học tốt.
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	8,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,6	8,9	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
11	Trần Tuấn Khôi	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	8,6	9,0	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	9,0	10,0	9,0	8,0		7,8	9,0	8,7	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.
13	Ngô Sơn Lộc	8,0	6,0	8,0	9,0		9,3	9,2	8,6	8.4			Học tốt, tích cực phát biểu.
14	Nguyễn Trúc Ly	9,0	6,0	7,5	9,0		8,8	9,6	8,7	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.
15	Huỳnh Thanh My	9,0	10,0	7,5	9,0		7,3	8,8	8,5	8.1			Học tốt.
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	8,0	9,0	7,5	9,0		8,5	9,4	8,7	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
17	Lê Thị Kiều Ngân	8,0	10,0	8,0	9,0		9,3	9,4	9,1	8.7			Học tốt, tích cực phát biểu.
18	Mai Thị Kim Ngân	7,0	10,0	7,5	8,0		6,5	8,8	8,0	7.7			Học tốt.
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9,0	9,0	8,0	8,0		10,0	8,8	8,9	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
20	Nguyễn Tuyết Ngân	10,0	10,0	8,0	7,0		8,3	9,0	8,7	8.5			Học tốt.
21	Huỳnh Bảo Ngọc	9,0	10,0	8,5	7,0		8,3	9,4	8,8	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	9,0	8,5	8,5	9,0		8,8	9,6	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	10,0	10,0	8,5	7,0		8,8	9,2	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	7,0	10,0	8,0	8,0		7,0	8,6	8,1	7.9			Học tốt.
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	9,0	5,5	7,5	8,0		7,5	9,0	8,0	7.9			Học tốt.
26	Phạm Thị Yến Nhi	9,0	8,0	7,5	9,0		9,3	9,6	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8,0	10,0	8,5	9,0		9,0	8,6	8,8	8.5			Học tốt, tích cực phát biểu.
28	Nguyễn Minh Nhựt	8,0	6,0	6,5	8,0		7,3	6,8	7,1	7.0			Học khá, cần cố gắng hơn.
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	7,0	7,5	8,0	9,0		8,5	8,8	8,3	7.9			Học tốt, tích cực phát biểu.
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	9,0	10,0	8,0	9,0		8,3	9,6	9,0	8.7			Học tốt, tích cực phát biểu.
31	Võ Thanh Sang	9,0	5,0	8,0	8,0		8,3	8,6	8,0	7.7			Học tốt.
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	9,0	10,0	9,0	10,0		8,5	9,4	9,2	8.9			Học tốt, tích cực phát biểu.
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	8,0	8,5	8,0	9,0		8,8	8,6	8,5	8.3			Học tốt.
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	7,0	10,0	8,0	10,0		8,0	9,4	8,8	8.6			Học tốt, tích cực phát biểu.
36	Dương Thị Diễm Trang	9,0	10,0	8,5	10,0		9,5	9,0	9,3	8.9			Học tốt, tích cực phát biểu.
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	9,0	10,0	8,5	9,0		9,0	9,0	9,1	8.7			Học tốt, tích cực phát biểu.
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	7,0	10,0	7,5	8,0		6,0	8,8	7,9	7.6			Học khá.
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	10,0	10,0	9,0	8,0		9,0	9,4	9,2	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
40	Bùi Thế Vinh	10,0	10,0	10,0	8,0		9,3	9,6	9,5	9.3			Học tốt, chăm ngoan.
41	Võ Minh Vương	9,0	5,0	8,0	7,0		8,8	9,2	8,2	8.0			Học tốt.
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	9,0	7,0	8,0	8,0		7,0	9,0	8,1	8.1			Học tốt.
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	9,0	9,5	8,0	7,0		8,8	9,2	8,7	8.5			Học tốt.
44	Võ Thị Thanh Xuân	10,0	10,0	8,5	8,0		8,5	9,2	9,0	8.8			Học tốt, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trương Đăng Khoa

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

Giáo dục kinh tế và pháp luật (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 40/48

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 41/48

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)											Học kỳ	Cuối năm	
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
31	Võ Thanh Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
32	Nguyễn Thanh Thảo												
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
41	Võ Minh Vương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá
44	Võ Thị Thanh Xuân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			ngoan, học khá

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Mộng Linh

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)												Học kỳ	Cuối năm														
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
25	Vân Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
31	Võ Thanh Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
32	Nguyễn Thanh Thảo																										
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
36	Đương Thị Diễm Trang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
41	Võ Minh Vương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													
44	Võ Thị Thanh Xuân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực trong giờ học!													

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Bùi Yến Khanh

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Địa Lý	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Giáo dục kinh tế và pháp		
1	Nguyễn Hoàng Ân	Đ	Đ	Đ	7,1	7,1	7,9	7,3	8,6	8,8	7,4	8,7	9,9	K	T
2	Trần Phúc Duy	Đ	Đ	Đ	7,5	6,8	8,1	8,1	8,8	8,2	7,5	8,7	9,8	T	T
3	Cao Văn Đức	Đ	Đ	Đ	7,0	7,1	8,1	7,1	8,3	9,3	8,3	8,7	9,8	T	T
4	Trần Cẩm Giang	Đ	Đ	Đ	7,2	8,1	8,1	7,3	9,3	9,2	7,5	9,1	9,9	T	T
5	Trương Thị Quỳnh Giang	Đ	Đ	Đ	8,1	9,1	8,6	7,8	9,2	8,9	8,7	8,6	9,9	T	T
6	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ	Đ	9,1	8,2	9,3	7,9	9,4	8,8	9,0	8,6	9,9	T	T
7	Bùi Võ Minh Hiếu	Đ	Đ	Đ	7,7	7,4	8,5	8,1	8,7	7,1	8,6	8,9	9,8	T	T
8	Trương Thị Tuyết Hương	Đ	Đ	Đ	8,5	9,1	9,4	7,4	8,7	9,0	8,3	9,4	9,9	T	T
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	Đ	Đ	Đ	7,8	8,6	9,1	7,6	8,5	8,3	8,2	8,6	9,8	T	T
10	Nguyễn Dương Yến Khoa	Đ	Đ	Đ	9,3	7,7	9,1	8,1	9,4	9,3	8,9	8,7	9,8	T	T
11	Trần Tuấn Khôi	Đ	Đ	Đ	6,5	6,6	8,4	7,4	8,5	9,4	9,0	9,3	9,9	T	T
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	Đ	Đ	Đ	8,4	8,1	8,9	7,2	9,4	8,5	8,7	8,9	9,9	T	T
13	Ngô Sơn Lộc	Đ	Đ	Đ	7,0	7,4	8,4	7,1	8,6	7,6	8,6	8,7	9,9	K	T
14	Nguyễn Trúc Ly	Đ	Đ	Đ	8,8	9,6	9,8	8,1	9,5	9,2	8,7	9,3	9,9	T	T
15	Huỳnh Thanh My	Đ	Đ	Đ	7,4	8,4	7,9	7,7	8,2	6,6	8,5	8,4	9,8	K	T
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	Đ	Đ	Đ	7,3	7,9	8,8	7,3	9,0	8,5	8,7	8,7	9,9	T	T
17	Lê Thị Kiều Ngân	Đ	Đ	Đ	9,2	7,2	8,8	7,9	9,3	7,9	9,1	8,7	9,9	T	T
18	Mai Thị Kim Ngân	Đ	Đ	Đ	7,7	7,8	8,4	7,2	8,4	8,1	8,0	9,1	9,8	T	T
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	8,7	7,8	9,0	7,9	9,2	9,1	8,9	8,7	10,0	T	T
20	Nguyễn Tuyết Ngân	Đ	Đ	Đ	8,4	8,7	9,1	8,0	8,9	8,3	8,7	9,1	9,9	T	T
21	Huỳnh Bảo Ngọc	Đ	Đ	Đ	8,3	7,2	8,9	8,0	9,0	9,2	8,8	8,9	9,9	T	T
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	Đ	Đ	Đ	8,8	9,6	9,2	7,6	9,5	9,6	9,0	8,9	9,9	T	T
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	Đ	Đ	Đ	8,1	8,9	9,3	7,9	9,2	7,6	9,0	9,1	9,9	T	T
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,1	9,2	9,2	7,3	9,5	9,3	8,1	9,1	9,8	T	T
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	7,7	8,9	8,6	8,0	9,4	7,8	8,0	9,3	9,9	T	T
26	Phạm Thị Yến Nhi	Đ	Đ	Đ	8,7	9,5	9,6	8,1	9,7	9,9	9,0	9,6	9,9	T	T
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,6	7,8	9,0	8,0	8,7	9,7	8,8	8,9	9,8	T	T
28	Nguyễn Minh Nhựt	Đ	Đ	Đ	7,8	7,1	8,5	7,2	8,8	7,6	7,1	8,7	9,8	K	T
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	Đ	Đ	Đ	6,9	7,6	8,8	6,8	9,2	7,9	8,3	9,1	9,8	K	T
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	Đ	Đ	Đ	8,4	8,1	8,3	7,7	9,4	9,5	9,0	8,9	9,9	T	T
31	Vô Thanh Sang	Đ	Đ	Đ	6,8	7,4	8,7	7,5	9,2	9,5	8,0	9,1	9,9	T	T
32	Nguyễn Thanh Thảo														
33	Nguyễn Trang Thảo	Đ	Đ	Đ	8,2	8,0	8,6	7,8	8,9	9,6	9,2	8,7	9,9	T	T
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	Đ	Đ	Đ	8,4	7,8	9,0	7,8	8,9	8,6	8,5	8,7	9,8	T	T
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Đ	Đ	Đ	8,5	8,8	8,9	7,3	9,2	9,5	8,8	8,7	9,9	T	T
36	Dương Thị Diễm Trang	Đ	Đ	Đ	8,7	8,3	9,1	7,5	9,3	8,4	9,3	9,1	9,9	T	T
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	Đ	Đ	Đ	8,8	8,1	9,3	6,8	8,0	8,3	9,1	8,7	9,9	T	T
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	Đ	Đ	Đ	6,8	8,1	8,9	7,1	8,1	7,9	7,9	9,0	9,8	K	K
39	Hồ Trương Thụy Thâm Tuyên	Đ	Đ	Đ	7,6	7,4	8,8	7,8	8,8	7,1	9,2	8,9	9,9	K	T
40	Bùi Thế Vinh	Đ	Đ	Đ	8,2	8,4	9,0	8,4	9,5	8,4	9,5	8,9	9,9	T	T
41	Vô Minh Vương	Đ	Đ	Đ	7,4	8,2	8,7	8,0	9,2	8,8	8,2	9,1	9,8	T	T
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	Đ	Đ	Đ	8,6	8,1	8,6	7,9	9,1	9,1	8,1	8,9	9,9	T	T
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	Đ	Đ	Đ	8,2	9,3	9,1	8,1	8,8	7,5	8,7	8,7	9,9	T	T
44	Vô Thị Thanh Xuân	Đ	Đ	Đ	8,3	8,5	9,3	8,1	9,0	9,4	9,0	8,9	9,9	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Trịnh Thị Ngọc Hân

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Hoàng Ân	T	K			3	Đủ ĐK thi TN THPT			Tổng số học sinh: 43
2	Trần Phúc Duy	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
3	Cao Văn Đức	T	K			6	Đủ ĐK thi TN THPT			
4	Trần Cẩm Giang	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
5	Trương Thị Quỳnh Giang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
6	Phan Thị Hồng Hạnh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 43 trong đó 0 học sinh Đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Bùi Võ Minh Hiếu	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
8	Trương Thị Tuyết Hương	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
9	Nguyễn Huỳnh Tuấn Khải	T	T			3	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
10	Nguyễn Dương Yên Khoa	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
11	Trần Tuấn Khôi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	- Không đủ điều kiện thi tốt nghiệp THPT: 0
12	Nguyễn Ngọc Gia Linh	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
13	Ngô Sơn Lộc	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
14	Nguyễn Trúc Ly	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
15	Huỳnh Thanh Mỹ	T	K			6	Đủ ĐK thi TN THPT			
16	Nguyễn Thị Thanh Nga	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
17	Lê Thị Kiều Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
18	Mai Thị Kim Ngân	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
19	Nguyễn Thị Thanh Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
20	Nguyễn Tuyết Ngân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
21	Huỳnh Bảo Ngọc	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
22	Trần Ngọc Thảo Nguyên	T	T			1	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
23	Nguyễn Kiều Nguyệt Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
24	Nguyễn Huỳnh Yến Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
25	Văn Nguyễn Yến Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
26	Phạm Thị Yến Nhi	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Xuất sắc	Nguyễn Minh Triều
27	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
28	Nguyễn Minh Nhựt	T	K			17	Đủ ĐK thi TN THPT			
29	Nguyễn Ngọc Lê Phương	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
30	Trần Nguyễn Quỳnh Phương	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
31	Võ Thanh Sang	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
32	Nguyễn Thanh Thảo	-	-				-		-	
33	Nguyễn Trang Thảo	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
34	Trần Nguyễn Phương Thơ	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
35	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
36	Dương Thị Diễm Trang	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
37	Lê Nguyễn Tú Trinh	T	T			4	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
38	Nguyễn Hoàng Minh Tú	T	K			2	Đủ ĐK thi TN THPT			
39	Hồ Trương Thụy Thắm Tuyên	T	K				Đủ ĐK thi TN THPT			
40	Bùi Thế Vinh	T	T			2	Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
41	Võ Minh Vương	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
42	Phạm Ngọc Thảo Vy	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
43	Nguyễn Ngọc Tường Vy	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	
44	Võ Thị Thanh Xuân	T	T				Đủ ĐK thi TN THPT		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều